

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Nam Định

Thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Cải thiện chất lượng dân số;
- Khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh
- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ DS – SKSS/KHHGD .
- Huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội để thực hiện nhiệm vụ DS- SKSS/KHHGD.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng dân số; hạn chế tốc độ gia tăng tỉ số giới tính khi sinh; đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu dân số; triển khai hiệu quả tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai và khuyến khích thu phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu 1: Duy trì tốc độ giảm sinh trung bình mỗi năm 0,1%o.
 - + Giảm tỷ suất sinh thô xuống còn 14,04%o.
 - + Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 xuống còn 10,42%.
 - + Tổng tỷ suất sinh đạt 2,1 con.
 - + Giảm tỷ suất tăng dân số tự nhiên xuống còn 9,09%o.
 - + Quy mô dân số không quá 2,25 triệu người.
- Mục tiêu 2: Nâng cao sức khỏe bà mẹ và trẻ em; giảm bệnh, tật và tử vong ở trẻ em; giảm tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản.
 - + Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi còn 6,5%o.
 - + Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 10%o.
 - + Tăng tỷ lệ sản phụ đẻ được cán bộ y tế chăm sóc lên 100%.
 - + Giảm tỷ suất tử vong mẹ xuống dưới 40 ca/100.000 ca đẻ sống.

- + Giảm tỷ suất tử vong mẹ xuống dưới 40 ca/100.000 ca đẻ sống.
- + Tăng tỷ lệ sàng lọc trước sinh (số bà mẹ được sàng lọc so với số bà mẹ mang thai trong năm) lên 50%.
- + Tăng tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (so với số trẻ sinh ra sống trong năm) lên 80%.
- *Mục tiêu 3: Đáp ứng nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân.*
- + Tỷ lệ thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 78%.
- *Mục tiêu 4: Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản; chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản.*
- Tỷ lệ nhiễm khuẩn đường sinh sản giảm còn 24% (số người được khám trong chiến dịch truyền thông lồng ghép với dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD).
- Tỷ lệ phụ nữ 30-54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung đạt 20%;
- Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi được sàng lọc ung thư vú đạt 20%.
- *Mục tiêu 5: Cải thiện sức khỏe sinh sản của vị thành niên và thanh niên.*
- + Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS thân thiện với người chưa thành niên và thanh niên lên trên 20% tổng số điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS.
- + Giảm số người chưa thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn xuống dưới 0,3%.
- *Mục tiêu 6: Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.*
- + Nâng cấp, bổ sung cơ sở y tế cho 10 huyện, thành phố và tuyến tỉnh để có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; tăng tỷ lệ người cao tuổi được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng.
- + Thành lập khoa Lão khoa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và 50% số Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, thành phố.
- *Mục tiêu 7: Giảm tỷ số giới tính khi sinh xuống còn 110 cháu trai/100 cháu gái.*
- *Mục tiêu 8: Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới < 6 ca/100 ca đẻ sống.*
- *Mục tiêu 9: Tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào triển khai chính sách, xây dựng và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở các cấp.*

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Lãnh đạo, tổ chức và quản lý

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền

Đưa công tác DS-SKSS trở thành một nội dung quan trọng trong các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở phải thường xuyên quan tâm theo dõi, nắm chắc tình hình và chỉ đạo kịp thời vấn đề đặt ra đối với công tác DS-SKSS.

1.2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác DS - SKSS các cấp

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo sự chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh phù hợp với tính chất của công tác DS-SKSS theo hướng chuyên nghiệp hóa, thực hiện phân công trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng và xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả, đặc biệt là cấp cơ sở.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên dân số, y tế thôn xóm trong việc tuyên truyền vận động, quản lý đối tượng và cung cấp các dịch vụ thích hợp đến tận hộ gia đình.

1.3. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý công tác DS - SKSS

- Tăng cường và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác DS và SKSS, nhất là bác sĩ cho Trung tâm Chăm sóc SKSS và các Trung tâm Y tế; làm tốt việc giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về DS - SKSS ở tất cả các cấp.

- Lòng ghép các nguồn lực đầu tư cho chương trình DS - SKSS ngay từ khâu lập kế hoạch và tại địa bàn. Kết hợp tổ chức thực hiện công tác DS và SKSS theo chương trình mục tiêu với sự nghiệp y tế.

- Từng bước thực hiện quản lý chi phí dịch vụ DS - SKSS cho các đối tượng thực hiện dịch vụ thông qua sổ (hoặc thẻ) quản lý khách hàng tại các cơ sở y tế công và tư nhân.

- Tăng cường hiệu quả chỉ đạo, điều hành, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch về DS - SKSS trên cơ sở hệ thống tin quản lý chuyên ngành. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá chuyên ngành, liên ngành và có sự tham gia của cộng đồng.

2. Truyền thông, giáo dục chuyên đổi hành vi

2.1. Nâng cao hiệu quả thông tin cho lãnh đạo các cấp

Thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật, có chất lượng về các vấn đề DS - SKSS đến lãnh đạo các cấp, những người có uy tín trong cộng đồng nhằm tạo sự ủng hộ, cam kết mạnh hơn về chính sách, nguồn lực và tạo dư luận xã hội thuận lợi cho công tác DS - SKSS. Tăng cường các cuộc tiếp xúc, trao đổi trực tiếp, tiếp xúc trao đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng với lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, các chức sắc tôn giáo, những người có ảnh hưởng trong xã hội về những vấn đề DS - SKSS.

2.2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện nội dung truyền thông về DS - SKSS, sức khỏe tình dục phù hợp đặc điểm của từng nhóm đối tượng, từng vùng. Tập trung nâng cao chất lượng dân số, KHHGD để thực hiện gia đình ít con (2 con), bình đẳng giữa con gái và con trai, ngăn ngừa lựa chọn giới tính thai nhi, bạo lực giới, chăm sóc SKSS, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh, người cao tuổi, bình đẳng giới và vai trò của nam giới trong chăm sóc SKSS và thực hiện bình đẳng giới.

Ở những vùng ven biển, vùng có mức sinh, tử vong mẹ, tử vong sơ sinh còn cao, tập trung truyền thông về KHHGD, làm mẹ an toàn, chăm sóc sơ sinh và trẻ em. Đối với nhóm vị thành niên và thanh niên, truyền thông tập trung vào sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng chống HIV/AIDS, bình đẳng giới và vai trò của nam giới trong chăm sóc SKSS và thực hiện bình đẳng giới.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên DS-KHHGD, nhân viên y tế thôn xóm, cộng tác viên, tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về DS - SKSS, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng ven biển.

2.3. Tăng cường giáo dục DS - SKSS, sức khỏe tình dục, giới và bình đẳng giới trong và ngoài nhà trường

Đẩy mạnh giáo dục về DS - SKSS, dân số và phát triển, giới và giới tính đã được đưa vào các chương trình giảng dạy chính thức trong nhà trường, bổ sung thêm kiến thức phù hợp với lứa tuổi và thuần phong, mỹ tục ở các cấp học: trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học và các trường dạy nghề.

Tăng cường giáo dục thông qua các hình thức giáo dục kết hợp với giải trí, tham vấn, tự học và sinh hoạt ngoại khoá, huy động sự tham gia tự nguyện của vị thành niên và thanh niên.

Tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình, đoàn thể, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục về DS - SKSS, phòng ngừa HIV, bình đẳng giới cho nhóm vị thành niên và thanh niên.

3. Dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản

3.1. Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ DS - CSSKSS

Tăng cường năng lực mạng lưới cung cấp dịch vụ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tế vùng, địa phương và nhu cầu của các nhóm đối tượng, ưu tiên địa bàn nông thôn, vùng ven biển kiện toàn và phát triển mạng lưới chăm sóc sơ sinh. Cùng cố, bổ sung và hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ DS - SKSS các tuyến.

Tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân cấp, phân tuyến kỹ thuật, kết hợp với ưu tiên xây dựng và hỗ trợ hệ thống chuyên tuyến thích hợp.

3.2. Nâng cao chất lượng dịch vụ

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình kỹ thuật đối với các dịch vụ DS và chăm sóc SKSS trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích của nhân dân. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật các dịch vụ DS - SKSS tại tất cả các tuyến, các cơ sở cung cấp dịch vụ, kể cả y tế tư nhân.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho nhân viên cung cấp dịch vụ DS và chăm sóc SKSS theo phân cấp và phân tuyến kỹ thuật. Bổ sung, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ DS - SKSS, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật, ưu tiên tuyến cơ sở và khu vực khó khăn.

3.3. Hoàn thiện hệ thống hậu cần phương tiện tránh thai (PTTT) và hàng hóa SKSS

Củng cố, nâng cấp hệ thống dự trữ, bảo quản, cung cấp PTTT và thuốc, vật tư, hoá chất, sinh phẩm thiết yếu phục vụ các dịch vụ SKSS và KHHGD trong mạng lưới cung cấp thuốc, trang thiết bị y tế. Tăng cường công tác dự báo, chủ động cân đối đủ nhu cầu PTTT và hàng hóa SKSS, bao gồm cả bao cao su cho KHHGD và phòng chống HIV/AIDS. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT và hàng hóa SKSS trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

Xây dựng đề án "Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn

2015-2020” theo hướng dẫn của Đề án 818 do Bộ Y tế ban hành, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3.4. Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh

Ưu tiên đầu tư cho các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm tạo bước đột phá trong các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng dân số. Đào tạo tập huấn chuyên môn kỹ thuật và tư vấn cho cán bộ nhân viên y tế có đủ kiến thức và kỹ năng về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; đào tạo tập huấn cho cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn thực hiện tuyên truyền, vận động tại cộng đồng.

4. Xã hội hóa, phối hợp liên ngành

4.1. Xã hội hóa trong thực hiện công tác DS - SKSS

Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân và các tổ chức vào công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ DS- SKSS. Khuyến khích tư nhân và các tổ chức đầu tư, cung cấp các dịch vụ DS- SKSS với những hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của công tác DS- SKSS. Quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các cơ sở cung cấp dịch vụ.

Xây dựng đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020”. Từng bước và có lộ trình giảm phạm vi, đối tượng, mức độ bao cấp, tăng phần đóng góp, tự chi trả của khách hàng sử dụng dịch vụ. Từng bước chuyển đổi việc cấp kinh phí hoạt động cho các cơ sở cung cấp dịch vụ sang cấp trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng dịch vụ.

4.2. Phối hợp liên ngành

Tăng cường phối hợp liên ngành, đề cao trách nhiệm tham gia của từng ngành, lĩnh vực trong thực hiện công tác DS - SKSS từ tính tới cơ sở, đặc biệt là giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan mật thiết đến các mục tiêu và giải pháp.

Xây dựng quy chế phối hợp có hiệu quả giữa các chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn khác trong ngành y tế với cơ quan quản lý, thực hiện công tác DS - SKSS trong triển khai thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, các tổ chức trong thực hiện công tác DS - SKSS.

5. Tài chính.

Đa dạng hóa các nguồn lực tài chính, quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính của Nhà nước, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng của mọi người dân trong tiếp cận và lựa chọn dịch vụ DS - SKSS.

6. Đào tạo, nghiên cứu khoa học và thông tin số liệu

Chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ DS - SKSS theo hướng chuyên nghiệp hóa; nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện các nghiên cứu khoa học về DS - SKSS; kiện toàn và đẩy mạnh tin học hoá hệ thống tin quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành DS - SKSS. Tăng cường năng lực giám sát, đánh giá, phân tích và dự báo về DS - SKSS giúp cho việc chỉ đạo, thực hiện các giải pháp về công tác DS - SKSS được kịp thời.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều phối các chương trình DS - SKSS với những nội dung đã nêu trong Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với những kế hoạch khác của ngành Y tế và các kế hoạch có liên quan do các sở, ngành khác chủ trì thực hiện; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm phù hợp với Kế hoạch hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch hành động này vào năm 2018 và tổng kết Kế hoạch hành động vào cuối năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số - SKSS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, bố trí các nguồn lực cho chương trình DS-SKSS; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển cho các chương trình, dự án về DS-SKSS;

3. Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh căn cứ khả năng ngân sách hàng năm bố trí ngân sách để thực hiện công tác DS-SKSS; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành;

4. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nội dung giáo dục DS -SKSS, giới tính và bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ y tế trường học về nội dung DS - SKSS, SKTD, giới tính và bình đẳng giới, phòng chống HIV.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các ngành liên quan triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, thực hiện đào tạo nghề và tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”, thực hiện các nội dung giáo dục về DS-SKSS trong các cơ sở dạy nghề; lồng ghép nội dung DS-SKSS vào các chương trình có liên quan do ngành chủ trì;

6. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về DS-SKSS, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng DS-SKSS.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Y tế thực hiện chương trình hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, đưa nội dung dân số thành tiêu chí đánh giá tác động môi trường khi xem xét và phê duyệt các dự án, quy hoạch, kế hoạch.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp Sở Y tế và các ngành liên quan lồng ghép nội dung dân số vào các chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác di dân theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao

tâm vóc và thể lực của người dân; tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung DS-SKSS vào thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

10. Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, chủ trì thực hiện và huy động các cơ quan truyền thông đại chúng (Đài phát thanh – truyền hình, Báo Nam Định) tham gia các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục; hỗ trợ cộng đồng và người dân giám sát kết quả thi hành pháp luật và thực hiện chính sách liên quan đến dân số - phát triển.

11. Các sở, ngành tham mưu triển khai trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao và triển khai thực hiện chính sách DS-SKSS trong ngành.

12. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai Kế hoạch hành động này, đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong công tác DS-SKSS tại địa phương.

13. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Hội Kế hoạch hóa gia đình... trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về DS-SKSS trong tổ chức mình, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về DS-SKSS./.

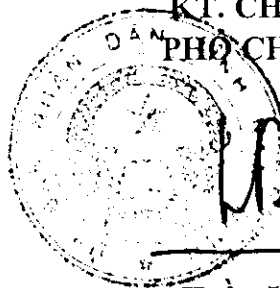
Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh Nam Định;
- Các Hội, các đoàn thể trong tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Chi cục DS-KHHGD;
- Lưu VT, VP7. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoài
Trần Lê Đoài